

## CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1955-1963)

Nguyễn Thị Mai Hương<sup>(1)</sup>, Lưu Văn Quyết<sup>(2)</sup>

(1) Trường Cao đẳng Công thương TPHCM, NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM);

(2) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 20/02/2021; Ngày gửi phản biện 28/02/2021; Chấp nhận đăng 20/04/2021

Liên hệ Email: ntmairuong@hitu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.03.189>

---

### Tóm tắt

Ngày 10/5/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố giải tán Chính phủ do Bảo Đại lập ra, dựng lên Chính quyền mới với tên gọi Việt Nam cộng hòa. Dưới sự viện trợ của Mỹ, chính quyền Việt Nam cộng hòa đã tiến hành những bước cơ bản để định hình những quan điểm, chính sách phát triển giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam nhằm mục đích đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ, phục vụ cho việc kiến thiết “quốc gia” và khảo cứu các vấn đề thực tiễn của đời sống xã hội miền Nam Việt Nam. Trong giai đoạn 1955-1963, thông qua việc xây dựng và triển khai một loạt chính sách, giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định, đặc biệt là sự gia tăng về trường, lớp, loại hình đào tạo và số lượng sinh viên. Bài viết này phân tích quá trình chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng và triển khai chính sách đối với giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam, từ đó có những đánh giá về vấn đề này.

**Từ khóa:** chính sách, giáo dục đại học

### Abstract

#### **HIGHER EDUCATION POLICY IN SOUTHERN VIETNAM (1955 - 1963)**

On May 10, 1955, Ngo Dinh Diem announced the dissolution of government which had been previously established by Emperor Bao Dai and then set up a new government by the name of Republic of Vietnam. Under the aid of the US, the government of the Republic of Vietnam has implemented basic steps to shape the educational views and policies in South Vietnam with the aim of training qualified personnel, who served national construction and researching practical problems of social life in South Vietnam. In the period from 1955 to 1963, through the development and implementation of a series of policies, higher education in South Vietnam has made certain progress, especially the increase in the number of schools, classes, types of training and number of students. The paper analyzes and then gives an assessment on the Ngo Dinh Diem government's policy development and implementation for higher education in South Vietnam.

## 1. Giới thiệu

Sau chiến thắng của quân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ (1954), Pháp buộc phải ký Hiệp định Genève, chấm dứt chiến tranh, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước trên bán đảo Đông Dương. Hiệp định đưa ra một quyết định dẫn tới những thay đổi to lớn trong lịch sử Việt Nam 21 năm sau đó: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tạm thời bị chia cắt làm hai miền (vĩ tuyến 17 được sử dụng làm giới tuyến quân sự tạm thời) và sẽ được tái thống nhất thông qua một cuộc tổng tuyển cử tự do trên cả nước hai năm sau đó (1956). Tuy nhiên, lịch sử không diễn ra hoàn toàn theo tinh thần và lời văn của Hiệp định Genève. Ở miền Nam Việt Nam (MNVN), Mỹ gạt bỏ Pháp để trực tiếp can thiệp, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam. Để tạo cơ sở thuận lợi cho cuộc can thiệp này, năm 1955 Mỹ đã hậu thuẫn, thành lập ở MNVN một “quốc gia” với tên gọi Việt Nam Cộng hòa (VNCH) do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng. Dưới sự bảo trợ của Mỹ, chính quyền VNCH đã tiến hành củng cố sức mạnh quân sự, chính trị, kinh tế, đồng thời chú trọng phát triển giáo dục – trong đó có giáo dục đại học để vừa đào tạo đội ngũ phục vụ cho chính quyền hướng tới việc phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, vừa phục vụ đắc lực cho cuộc chiến tranh của Mỹ ở MNVN.

## 2. Tổng quan tài liệu

Nghiên cứu về chính quyền VNCH nói chung, chính sách phát triển giáo dục đại học nói riêng các công trình chủ yếu dựa vào các nguồn tài liệu chính gồm: văn bản lưu trữ – hệ thống văn bản về chỉ thị, quyết định, chủ trương, chính sách và những chỉ đạo, điều hành của chính quyền VNCH đối với hệ thống giáo dục; các tư liệu hồi ký, lời kể của giảng viên, sinh viên tham gia giảng dạy, học tập và quản lý trong các viện, trường đại học thời kỳ đó; các nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục ở MNVN. Bài viết này cũng tiếp cận các tài liệu theo hướng trên và đặc biệt chú trọng sưu tầm và sử dụng các tài liệu văn bản lưu trữ. Về tài liệu lưu trữ, bài viết sưu tầm và sử dụng các văn bản, chỉ thị, quyết định,... của các phòng Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH, Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, Hội đồng Văn hóa Giáo dục VNCH. Nội dung của các quyết định, văn bản, sắc lệnh, chỉ thị,... chủ yếu tập trung trình bày về các chính sách của chính quyền VNCH đối với giáo dục, về quá trình phát triển và vấn đề cải tổ của giáo dục đại học... Về tài liệu hồi ký, bài viết sử dụng tư liệu của các tác giả là những người trực tiếp giảng dạy, quản lý hoặc học tập trong hệ thống giáo dục đại học thời kỳ đó như: Đoàn Viết Hoạt (1972), Phạm Đình Thắng (1972), Phong Hiền (1978), Đỗ Bá Khê (1972), Việt Liên (1962). Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng thông tin tư liệu trong các nghiên cứu về giáo dục đại học của các tác giả Ngô Minh Oanh (2019), Châu Trọng Ngô (2014), Nguyễn Tấn Phát (2014), Lưu Văn Quyết (2017), Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết (2018), Nguyễn Thụy Phương (2020),... Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và phương pháp logic, kết hợp với phương pháp nghiên cứu liên ngành, kế thừa thành quả của các công trình đi trước, bài viết khai thác nguồn tư liệu gốc để làm rõ chính sách phát triển giáo dục đại học ở MNVN thời Đệ nhất Cộng hòa (1955-1963).

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Cơ sở hoạch định chính sách giáo dục đại học

##### 3.1.1. Kế thừa nền giáo dục của Pháp

Cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành xâm chiếm Đông Dương, người Pháp bước đầu thực hiện cái gọi là “xứ mệnh khai hóa, truyền bá những giá trị phổ quát của nhân loại” để biện minh cho hành động xâm lược của mình (Nguyễn Thụy Phương, 2020). Các nhà cầm quyền Pháp và các quan chức chính quyền thuộc địa đã tìm mọi cách để thiết lập một nền giáo dục ở các xứ thuộc địa vì cho rằng “trường học là công cụ hữu hiệu nhất, chắc chắn nhất nằm trong tay kẻ đi chinh phục” (Luro, Gustave Dumoutier, 1887). Sau những tìm tòi ban đầu, đến thập niên đầu thế kỷ XX, Pháp đã bước đầu thiết lập hệ thống giáo dục thuộc địa trên toàn xứ Đông Dương, trong đó có Việt Nam (Nguyễn Thụy Phương, 2020). Trong bối cảnh đó, ngày 16/5/1906 Đại học Đông Dương được thành lập tại Hà Nội – đây là mẫu hình đại học hiện đại phương Tây đầu tiên được người Pháp thành lập tại Việt Nam trong thời thuộc địa với nhiệm vụ “phổ biến ở Viễn Đông những kiến thức và phương pháp châu Âu, chủ yếu là thông qua tiếng Pháp” (Thống Đốc Nam Kỳ, 1906). Đứng đầu Đại học Đông Dương là một Hiệu trưởng người Pháp và được bổ nhiệm bởi Tổng thống Pháp với tư cách được biệt phái đến Chính phủ Quốc gia Việt Nam, trong một nhiệm kỳ là 3 năm, phó Hiệu trưởng là người Việt. Chương trình giảng dạy của Đại học Đông Dương mô phỏng chương trình giáo dục đại học Pháp và chỉ tuyển chọn giảng viên đại học là những người có bằng cấp Pháp. Đại học Đông Dương gồm các trường thành viên: trường Luật và Hành chính, trường Khoa học (gồm các khoa Toán, Vật Lý, Hóa học và Sinh vật), trường Y khoa, trường Xây dựng và Văn Khoa. Năm 1946, sau khi chiếm lại Đông Dương, người Pháp đã thành lập Viện đại học hỗn hợp Việt – Pháp trên cơ sở các trường Y Dược, Luật, Khoa học của Đại học Đông Dương trước đó và mở chi nhánh các trường này tại Sài Gòn.

Ngày 8/3/1949, Thủ tướng Pháp là Vicent Auriol đã ký với Bảo Đại bản Hiệp ước Elysee (tiếng Pháp là *Accords de l'Elysée*) với nhiều nội dung, trong đó có điều khoản Pháp thừa nhận nền độc lập của chính phủ Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại lập ra, đổi lại Quốc gia Việt Nam công nhận cho Pháp được quyền tiếp tục duy trì tại Việt Nam các trường đại học của mình dưới danh nghĩa Liên Hiệp Pháp (Nghiêm Thế Tổ, 1954). Sau đó, chính phủ Pháp lại ký với Bảo Đại một bản Hiệp ước Văn hóa vào ngày 30/12/1949 và Bản bổ sung (các điều khoản chuyển tiếp) ngày 8/1/1951, trong đó có quy định về việc chuyển giao cơ sở giáo dục này cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam (Luro, Gustave Dumoutier, 1887). Về mặt pháp lý, những thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của người Pháp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, ở Việt Nam đã diễn ra một cuộc di cư của gần 1 triệu người từ miền Bắc di chuyển vào miền Nam. Trong cuộc di cư đó, các cơ sở giáo dục đại học cùng phần lớn giảng viên và sinh viên Viện Đại học Đông Dương ở Hà Nội đã di chuyển vào miền Nam. Trước khi rút quân khỏi Việt Nam, ngày 11/5/1955 Pháp đã chuyển giao Viện Đại học Đông Dương cho chính phủ Quốc gia Việt Nam và đổi tên gọi là Viện Đại học Quốc gia Việt Nam (Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết, 2019). Đến năm 1956, khi chính quyền VNCH chính thức tuyên bố thành lập thì các cơ sở giáo dục đại

học ở MNVN (trong đó có Đại học Quốc gia Việt Nam) thuộc quyền quản lý, tổ chức, điều hành của chính quyền VNCH.

Như vậy, từ những cơ sở vật chất có sẵn, với một số lượng lớn nhân viên hành chính, trí thức, sinh viên được đào tạo từ nền giáo dục của Pháp di cư vào miền Nam, trên cơ sở Hiệp ước hợp tác văn hóa giữa chính phủ Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại với chính phủ Pháp ký ngày 30/12/1949 và được bổ sung ngày 8/1/1951 vẫn còn hiệu lực đã hình thành nền tảng bước đầu cho giáo dục đại học của MNVN.

### *3.1.2. Dựa trên chính sách thực dân mới của Mỹ*

Chính sách thực dân mới Mỹ được triển khai từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (năm 1945), trọng tâm hướng tới mục tiêu ngăn chặn chủ nghĩa xã hội, dập tắt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh. Đối với Việt Nam, Hoa Kỳ xác định là tiền đề ngăn chặn chủ nghĩa Cộng sản tràn xuống khu vực Đông Nam Á. Do đó, Hoa Kỳ đã từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam.

Mục tiêu xây dựng chính quyền VNCH đã được Hoa Kỳ khẳng định ngay trong bị vong lục gửi Bộ Quốc phòng ngày 4/8/1954 của Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân: “Điều tuyệt đối cần thiết là phải có một chính phủ dân sự mạnh, ổn định, nắm chính quyền...” (Lê Mậu Hãn, 1999). Để làm được điều này, cơ quan hợp tác quốc tế của Hoa Kỳ là United States Agency for International Development (USAID) đã cung cấp cố vấn cho chính quyền Ngô Đình Diệm trên các mặt: hành chính, kinh tế, xã hội, an ninh, biên soạn Hiến pháp,... để xây dựng chính quyền VNCH. Và giáo dục, thông qua viện trợ và hoạt động của các tổ chức có cố vấn giáo dục, Hoa Kỳ đã can dự vào quá trình hoạch định, triển khai chính sách phát triển giáo dục của chính quyền VNCH ở MNVN. Các “cơ quan phát triển quốc tế của Mỹ ở Việt Nam đã lập ra một văn phòng riêng để giúp chính quyền Diệm cải tổ bộ máy giáo dục, loại bỏ ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp, xây dựng nền giáo dục thực dụng kiểu Mỹ” (Nguyễn Tấn Phát, 2004). Thông qua các tổ chức về giáo dục, khoa học và văn hóa như Seameo, Innotech, Cơ quan Văn hóa Á châu (Asia Foundation), Hội Á châu (Asia Sociaty)... để nghiên cứu, tìm hiểu phong tục, tâm lý của dân chúng miền Nam nhằm đề xuất các giải pháp văn hóa xã hội, giáo dục phù hợp với mục tiêu chính sách thực dân mới của Mỹ ở MNVN. Viện trợ của Mỹ cho giáo dục VNCH thông qua cơ quan viện trợ USAID từ năm 1954 đến 1964 khoảng từ 1 đến hơn 2 triệu đô la Mỹ một năm (USAID, 1967). Dưới sự bảo trợ của Mỹ, từ năm 1956, chính quyền VNCH đã dần định hình những quan điểm, chính sách xây dựng giáo dục đại học ở MNVN.

### *3.2. Xây dựng và triển khai chính sách giáo dục đại học (1955-1963)*

Nhằm xây dựng một “quốc gia mới” thuộc về “thế giới tự do”, giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ công chức phục vụ chế độ. Chính quyền VNCH đã có những bước đi cụ thể nhằm xây dựng hệ thống giáo dục mới. Chính sách phát triển giáo dục đại học và chuyên nghiệp được Hội đồng Quốc gia chính quyền Ngô Đình Diệm phác thảo trong bản “Kiến nghị cải tổ và tổ chức giáo dục” tháng 12/1954 với vài dòng ngắn: mở thêm một Ban Kinh tế học bằng Việt ngữ; mở thêm nhiều trường kỹ thuật để thu hút một lớp thanh niên theo đuổi việc học đến được bằng tú tài thì vào học các lớp này, khởi thành một hạng trí thức dờ dang... nuôi được bản

thân mà còn ích lợi cho quốc gia (Hội đồng Quốc gia, 1954). Đây là những biện pháp nhằm xây dựng giáo dục đại học và chuyên nghiệp phù hợp với hiện trạng một chính quyền mới tiếp quản quyền kiểm soát với nhu cầu cao về đội ngũ công chức và kỹ thuật viên cho hoạt động kinh tế – xã hội.

Sau khi tạm “ôn định” mọi mặt, bên cạnh việc củng cố sức mạnh quân sự, chính trị, kinh tế,... chính quyền VNCH chú trọng đầu tư phát triển giáo dục - trong đó có giáo dục đại học nhằm giải quyết vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ “quốc gia”. Ngày 21/2/1956 chính quyền Ngô Đình Diệm đã ban hành Nghị định số 98-GD/NĐ thành lập Bộ quốc gia giáo dục, thiết lập các cấp học từ tiểu học lên đến đại học và các trường chuyên nghiệp (Chính phủ, 1956). Trong giai đoạn 1955-1963, chính sách phát triển giáo dục đại học của chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung vào hai nội dung chính: (1) tiếp nhận cơ sở giáo dục đại học từ người Pháp; (2) “khuyến khích” giáo dục đại học nhằm đào tạo đội ngũ viên chức cho chế độ. Với chính sách đó, chính quyền Việt Nam cộng hòa thi hành các biện pháp nhằm hướng tới: “Thâu hồi toàn vẹn chủ quyền giáo dục; thực hiện một nền giáo dục nhân bản, dân tộc và khai phóng; cải tổ guồng máy học chính về phương diện hành chánh để có thể điều hành công việc một cách mau lẹ và hợp lý; đào tạo gấp rút cán bộ giáo huấn cấp trung, tiểu học; phát triển giáo dục tới các miền xa xôi hẻo lánh trên toàn quốc; khuyến khích ngành đại học và kỹ thuật để đào tạo những chuyên viên cần thiết cho công cuộc kiến thiết xứ sở” (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1961). Theo đó, hệ thống giáo dục dưới thời Đệ nhất cộng hòa chia thành 3 bậc: tiểu học; trung học; bậc đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp. Trong đó, bậc đại học học từ 5 đến 7 năm, do phòng Đại học trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục phụ trách. Trong bản Hiến pháp năm 1956 của VNCH, Điều 26 xác định: “Quốc gia cố gắng cho mọi người dân một nền giáo dục cơ bản có tính cách bắt buộc và miễn phí. Mọi người dân có quyền theo đuổi học vấn. Những người có khả năng mà không có phương tiện riêng sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn. Quốc gia thừa nhận phụ huynh có quyền chọn trường cho con em, Các đoàn thể tư nhân mở trường theo luật qui định. Quốc gia có thể công nhận các trường tư thục đại học cao đẳng chuyên nghiệp hội đủ điều kiện luật định. Văn bằng do những trường ấy cấp có thể được quốc gia thừa nhận” (Ngô Minh Oanh, 2018).

Chính quyền Ngô Đình Diệm chủ trương mở rộng giáo dục đại học nhằm đào tạo đội ngũ viên chức cho chế độ. Việc mở mang cơ sở giáo dục đại học bắt đầu từ năm 1957, với việc đổi tên Viện Đại học Quốc gia thành Viện Đại học Sài Gòn và thành lập thêm đại học tại Huế (Viện Đại học Huế). Viện Đại học Sài Gòn và Viện Đại học Huế là đại học công lập, đều hình thành dựa trên cơ sở khuôn mẫu của Viện Đại học Đông Dương của Pháp trước đó, là các Viện Đại học đa ngành (trong Viện có nhiều trường, còn gọi là phân khoa). Đến đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Viện Đại học Sài Gòn gồm các trường: Văn khoa, Luật khoa, Y khoa Đại học đường, trường Đại học Khoa học (Khoa học Đại học đường Sài Gòn), trường Cao đẳng Kiến trúc; Viện Đại học Huế gồm các trường: Văn Khoa, Luật khoa, Khóc học, Sư phạm, Y khoa (Lê Cung, 2012).

Bên cạnh hai viện đại học, nhằm đào tạo kỹ sư, cán sự canh nông và kỹ nghệ, chính quyền VNCH còn thành lập một số trường Cao đẳng và Chuyên nghiệp nằm trong

hệ thống giáo dục công lập như: Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ (năm 1957), Trường Trung học Kỹ thuật Huế, Trung học Kỹ thuật Sài Gòn (tiền thân của Trường Trung học Kỹ thuật Cao Thắng), Trường Quốc gia Thương Mại, Trường Bách công Phú Thọ, Trường Thực nghiệp Sài Gòn, Trường Thực nghiệp Nha Trang, Trường Mỹ nghệ thực hành, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế, Trường Quốc gia Âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn, Trường Trang trí Mỹ thuật Gia Định. Trong thời gian ngắn, các trường kỹ thuật đã đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên, những nghệ sĩ chuyên nghiệp. Niên học 1954-1955, các trường kỹ thuật và mỹ thuật đào tạo được 2.761 học viên, đến niên học 1960-1961, số học viên đào tạo là 6.252 học viên (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1967).

Nhằm tạo điều kiện tối đa cho thanh niên theo đuổi việc tìm kiếm tri thức, ngày 23/10/1956, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Dụ số 57/4 cho phép các loại trường tư được mở trong khuôn khổ luật pháp, dưới sự giám sát, kiểm soát của chính quyền địa phương và của Bộ Quốc gia Giáo dục. Theo đó, các đại học tư thực phải tuân thủ theo quy chế, chương trình, phương pháp đào tạo của các Viện Đại học công lập (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1956a). Từ năm 1957 đến 1964, ở MNVN hai Viện Đại học tư đầu tiên được thành lập dưới sự quản lý của chính quyền VNCH do hai tôn giáo lớn là Thiên Chúa giáo và Phật giáo thiết lập là Viện Đại học Đà Lạt (1957) và Viện Đại học Vạn Hạnh (1964). Viện Đại học Đà Lạt thành lập theo Nghị Định số 67/BNV/NA/P5 ngày 8/8/1957, với cơ sở nguyên là Trường Thiếu sinh quân hỗn hợp Âu – Á (École d'Enfants de Troupe de DaLat), được quản lý bởi Hội đồng Giám mục Việt Nam và là đại học tư thực đầu tiên ở Việt Nam. Viện Đại học Đà Lạt chính thức hoạt động từ năm học 1958-1959 với 3 phân khoa (trường): Sư phạm, Khoa học, Văn khoa. Viện Đại học Vạn Hạnh thành lập năm 1964, theo Nghị định số 1805-NĐ/PG/NĐ của Bộ Giáo dục VNCH trên cơ sở Viện Cao đẳng Phật học (Luu Văn Quyết, 2018).

Năm 1958, VNCH tổ chức Đại hội Toàn quốc Giáo dục lần thứ nhất với sự tham dự của các thân hào, nhân sĩ, học giả và đại diện các cơ quan hành pháp, các đoàn thể chính trị xã hội, chính thức nêu lên nguyên tắc căn bản của nền giáo dục VNCH: nhân bản (education of humanity) – dân tộc (national education) – khai phóng (liberal education).

– *Nhân bản*: nền giáo dục phải đề cao giá trị của con người, con người được coi là cứu cánh chứ không phải là một công cụ phục vụ cho một mục tiêu của bất cứ cá nhân, đảng phái hay tổ chức nào.

– *Dân tộc*: giáo dục phải tôn trọng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chương trình học phải gây được nơi học sinh: “ý thức về quốc gia dân tộc Việt Nam, gây sự tự hào và lòng yêu nước ở thế hệ trẻ”.

– *Khai phóng*: nguyên tắc này đòi hỏi chương trình giáo dục phải có tính cách mở rộng cửa để đón nhận những tư tưởng, những kiến thức khoa học tiên bộ ở mọi nơi để tạo số vốn hiểu biết phong phú, tân tiến và hiện đại. (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1958).

Từ những nguyên tắc này, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đề ra mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục là “đào luyện cho thanh niên về cả ba mặt: thể dục, đức dục và trí

dục, càng lên cao thì càng coi trọng trí dục” (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1958). Trước năm 1963, mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo của phần lớn các Viện đại học ở MNVN vẫn theo mẫu hình của Pháp, chương trình học được ấn định bởi một Hội đồng giáo sư của Trường hay của Khoa, thường nặng về nhiệm vụ cung cấp kiến thức tổng quát và thường nhiều ngành khác nhau, không nhất thiết đóng khung trong một lĩnh vực nhất định và cũng không mang tính chất nghề nghiệp bắt buộc. Ví dụ ở trường Đại học Văn khoa (thuộc Viện Đại học Quốc gia Sài Gòn) trong mục tiêu đào tạo đã ghi rõ: “Khác với các trường khác, trường Văn khoa không đào tạo chuyên viên nhưng nhằm mục đích gia tăng kiến thức tổng quát thuộc nhiều ngành học khác nhau chẳng hạn Triết, Việt văn, Sử -Địa, Sinh ngữ, Nhân văn...” (Đại học, 1962); Trường Đại học Khoa học Sài Gòn trong mục tiêu đào tạo cũng nói rõ “nhằm cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về khoa học, giúp sinh viên làm quen với những hiện tượng xảy ra trong vũ trụ, thiên nhiên và luyện cho bạn một bộ óc khoa học tinh tế hơn để tạo một căn bản vững mạnh trên đường phát minh, sáng chế của sinh viên sau này” (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974).

Mặc dù chính quyền VNCH mong muốn các Viện đại học chuyển đổi chương trình và phương pháp đào tạo từ ảnh hưởng của Pháp (từ lối học từ chương, nặng về lý thuyết nhằm cung cấp kiến thức khoa học tổng quát, hàn lâm), sang mô hình giáo dục Hoa Kỳ (chú trọng đào tạo kiến thức khoa học thực nghiệm, thực dụng). Trong thực tế đã có nhiều phái đoàn của các tổ chức văn hóa, giáo dục, các trường đại học của Mỹ dưới sự hướng dẫn của United States Agency for International Development (USAID) đã tới MNVN xúc tiến nghiên cứu, đề xuất chính sách và chương trình giáo dục đại học; nhiều dự án, chương trình là kết quả nghiên cứu của các phái đoàn trên đã được trình lên chính quyền VNCH nhằm cải cách về chương trình và phương pháp đào tạo,... Tuy nhiên, cho đến năm 1963, chưa có dự án, chương trình cải tổ giáo dục đại học nào được chính quyền đưa vào triển khai thực hiện (Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH, HS 326, 1965). Do đó, chương trình và phương pháp đào tạo của các trường đến trước năm 1964 vẫn do các Viện Đại học hoạch định trên cơ sở nguyên tắc: nhân bản (education of humanity) - dân tộc (national education) - khai phóng (liberal education) theo lối giáo dục của đại học Pháp, chủ yếu theo hệ thống *niên chế* và *chứng chỉ* (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1960). Kasptein, Giáo sư người Mỹ từng giảng dạy ở Viện Đại học Sài Gòn đã nhận xét: Tôi khám phá ra những sự ghi bài máy móc (của sinh viên) này là một kiểu giáo dục của trường đại học, ghi chép những lời của giáo sư một cách máy móc, mong đợi là sẽ trả lại thầy đúng hệt như vậy trong những kỳ thi cuối năm. Sinh viên rất thụ động chỉ chép những lời giảng về nhà học thuộc lòng, hoặc giáo sư bảo mua sách của ông về đọc nguyên văn là được, không được sửa hay viết khác đi trong lúc làm bài vì đó là “sách hay nhất, tài liệu không đâu có” (Nguyễn Văn Trung, 1967). Về nội dung giáo dục “chương trình học vẫn chưa có cuộc cải tổ nào sâu rộng. Việt Nam là nước nghèo nàn lạc hậu, lại đang trong cuộc chiến tranh khốc liệt, lẽ ra cần phải có một nền giáo dục phù hợp với hoàn cảnh đất nước thì lại cứ rập theo khuôn mẫu sẵn có của người Pháp” (Nguyễn Quỳnh Giao, 1969).

Chính quyền VNCH cũng ban hành chính sách để tổ chức và quản lý các Viện đại học. Theo đó, các Viện đại học ở MNVN thời kỳ này về cơ bản tiếp tục được tổ chức theo mô hình các viện đại học đa ngành của Viện Đại học Đông Dương do Pháp thành

lập trước đó. Các viện đại học công lập do nhà nước thiết lập và Bộ Giáo dục giữ vai trò điều phối tổng quát để thống nhất về mặt triết lý giáo dục, quản trị nhân viên và tài chính. Viện trưởng viện Đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục đề nghị, Thượng viện chuẩn y và được bổ nhiệm theo Sắc lệnh của Tổng Thống. Viện trưởng điều hành Viện đại học với sự phụ tá của Phó Viện trưởng và một Hội đồng Viện đại học. Giúp việc cho Viện trưởng có Sở Hành chính, Tài chính và Văn hóa để giải quyết các công việc trong toàn Viện. Bên cạnh đó còn có Hội đồng Đại học do Viện trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, tổng Thư ký Viện đại học là thư ký của Hội đồng và các thành viên bao gồm các Khoa trưởng, phụ tá Khoa trưởng, các Giáo sư đại diện cho mỗi trường (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1965). Đứng đầu mỗi phân khoa thành viên (tương đương với một trường hiện nay) là một Khoa trưởng (tương đương với Hiệu trưởng hiện nay) – người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc điều hành hoạt động của Phân khoa, và Phó khoa trưởng. Các Phân khoa hầu như hoàn toàn độc lập với nhau về phương diện điều hành và đóng ở những địa điểm riêng. Tài chính hoạt động của các viện đại học công lập phụ thuộc vào tài khóa của ngân sách quốc gia phân bổ qua Bộ Giáo dục và phải được Quốc hội thông qua; nhân sự, chương trình và nội dung giảng dạy của các viện đại học gần như được tự chủ trên cơ sở chuẩn y của Tổng trưởng Giáo dục (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1960).

Mỗi trường Cao đẳng trực thuộc Viện Đại học công lập đặt dưới sự điều hành của một Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Giáo dục bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng và kết quả bầu cử tại Hội đồng trường Cao đẳng. Giám đốc trường Cao đẳng có sự giúp việc của Hội đồng và Văn phòng trường. Hội đồng trường Cao đẳng gồm Giám đốc (Chủ tịch) và hội viên là các giáo sư. Văn phòng trường Cao đẳng do Tổng Thư ký điều hành. Tổng Thư ký có cấp bậc tương đương với Chủ sự phòng hành chánh (phòng của Sở trực thuộc Bộ) do Viện trưởng bổ nhiệm (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1960).

Quy chế hoạt động của đại học được áp dụng theo quy chế Đại học Hà Nội thời kỳ 1949-1954 dựa trên cơ sở Hiệp ước Văn hóa Việt - Pháp ký ngày 30/12/1949 và bổ sung 30/5/1951; quản trị đại học áp dụng theo Nghị định số 1 ngày 20/10/1955, ấn định tạm thời tổ chức viện đại học trong thời kỳ chuyển tiếp, tức theo quy chế đại học hỗn hợp kiểu Pháp với quyền quản lý tập trung tại Hội đồng Đại học và Hội đồng Khoa. Cách tuyển sinh, tổ chức hệ thống trường, khoa, cách thức coi thi, chấm thi, cho điểm vẫn theo mô hình của Pháp. Đội ngũ giảng viên cơ bản vẫn là người Pháp và dần được thay thế bằng người Việt được đào tạo từ Pháp (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1960).

Có thể thấy, trong giai đoạn 1955-1963, thông qua việc triển khai một loạt chính sách, nền giáo dục đại học VNCH có sự phát triển mạnh, tập trung chủ yếu vào phát triển số lượng, với sự gia tăng nhanh chóng về số trường, hệ đào tạo, sinh viên. Các cơ sở giáo dục gồm hai loại hình bao gồm trường công và trường tư với các Viện đại học và hệ thống các trường cao đẳng, trường chuyên nghiệp. Theo thống kê, từ hơn 2.900 sinh viên vào năm 1955, đến năm 1964, sinh viên đại học trong các trường đại học của VNCH tăng lên gần 10 lần, đạt hơn 22.000 sinh viên (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1965b). Ngân sách quốc gia cho giáo dục đại học chiếm khoảng 10% ngân sách dành cho giáo dục hằng năm. Đặc điểm cơ bản của giáo dục đại học ở MNVN giai đoạn 1955-1963 là



mang đậm ảnh hưởng của mô hình giáo dục đại học Pháp vốn được định hình ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Trong đó, các ngành kỹ thuật chủ yếu đào tạo ở trình độ cao đẳng, chuyên nghiệp, chưa có trường đại học kỹ thuật chuyên biệt nào được thành lập trong giai đoạn này. So với mô hình giáo dục đại học của người Pháp trước đó, điểm mới trong mô hình giáo dục đại học VNCH thời gian này là sự ra đời của hệ thống các trường đại học tư lập (Viện Đại học Đà Lạt) (Luu Văn Quyết, 2018).

#### 4. Kết luận

Được sự hậu thuẫn và viện trợ của Mỹ, chính quyền VNCH đã ra sức củng cố hệ thống chính trị, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái thiết kinh tế, đầu tư cho văn hóa, giáo dục... nhằm tạo nên bộ mặt mới cho chế độ nhằm xây dựng “quốc gia” mạnh của “thế giới tự do”. Giáo dục đại học trở thành một trong những chính sách quan trọng mà chính quyền phải chú ý nhằm giải quyết vấn đề thiếu chuyên gia, đào tạo một đội ngũ công chức phục vụ chế độ. Trong giai đoạn 1955-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực thi nhiều chính sách để phát triển giáo dục đại học nhằm đáp ứng yêu cầu “khuyến khích ngành đại học và kỹ thuật để đào tạo những chuyên viên cần thiết cho công cuộc kiến thiết xứ sở”. Những chính sách mà chính quyền Việt Nam cộng hòa thực thi trên lĩnh vực giáo dục đã đạt được những kết quả nhất định, nền giáo dục đại học ở MNVN có sự mở rộng hơn về quy mô, thành lập thêm Viện đại học Huế và một số trường đại học tư thục; ngoài ra vấn đề chuyển đổi ngôn ngữ từ tiếng Pháp sang tiếng Việt trong dạy và học cũng có những chuyển biến nhất định. Tuy nhiên, do những ràng buộc về Hiệp ước văn hóa giáo dục ký với Pháp cùng với những nền tảng mà giáo dục Pháp để lại chưa dễ gì thay đổi được, bên cạnh đó, bản thân chính quyền VNCH trong giai đoạn đầu cũng chưa đủ khả năng để tự xây dựng một hệ thống đại học mang bản sắc riêng,... vì thế giáo dục đại học ở miền Nam giai đoạn này vẫn bị chi phối nặng nề bởi những đặc trưng của giáo dục Pháp: từ cấu trúc đến mục tiêu đào tạo, chế độ tuyển sinh, học chế, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Quốc gia Giáo dục (1958). *Tài liệu hội thảo giáo dục toàn quốc lần thứ nhất*. Bộ Quốc gia Giáo dục.
- [2] Bộ Quốc gia Giáo dục (1960). *Công văn của Bộ Quốc gia giáo dục gửi Phủ Thủ tướng về việc thiết lập các cơ sở giáo dục từ năm 1956 đến 1960*. Số 1145-GD/TT/CV ngày 21/10/1960.
- [3] Bộ Quốc gia Giáo dục (1961). *Báo cáo về hoạt động của Bộ Quốc gia Giáo dục từ 7/7/1954 đến 7/7/1961 gửi phủ Thủ tướng*. Số 176-GD/TT/BC, ngày 28/7/1961.
- [4] Bộ Quốc gia Giáo dục (1965a). *Báo cáo của Bộ Quốc gia Giáo dục gửi phủ Thủ tướng về việc phát triển giáo dục đại học trên lãnh thổ quốc gia*. Số 326-GD/TT/BC, ngày 13/8/1965.
- [5] Bộ Quốc gia Giáo dục (1965b). *Tờ trình của Bộ Quốc gia VNCH về kế hoạch 5 năm phát triển giáo dục*. Số 3214-GD/TT/TT, ngày 3/1/1965.

- [6] Bộ Quốc gia Giáo dục (1967). *Công văn gửi các Viện đại học về vấn đề đại học kế hoạch cải tổ nền đại học*. Số 5701-GD/VĐH/CV, ngày 5/8/1967.
- [7] Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1956). *Dụ ấn định quy chế các trường tư thục tại Việt Nam*. Số 57/4, ngày 23/10/1956.
- [8] Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1956)a. *Nghị định về việc thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục*. Số 98-GD/NĐ, ngày 21/2/1956.
- [9] Hội đồng Quốc gia (1954). *Kiến nghị về việc cải tổ và tổ chức giáo dục*. Số 121-HDQG/TT, ngày 21/12/1954.
- [10] Lê Cung (2012). *Đại học Huế - 55 năm xây dựng và phát triển (1957 - 2012)*. NXB Đại học Huế.
- [11] Lê Mậu Hãn (1999). *Đại cương lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [12] Luro, Gustave Dumoutier (1887). *Buổi đầu của giáo dục Pháp tại Bắc kỳ*. Hanoi Imprimerie Schneider.
- [13] Lưu Văn Quyết (2018). Sự chuyển biến mô hình giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam (1956-1975). *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 1(36).
- [14] Nghiêm Thế Tổ (1954). *Việt Nam máu lửa*. NXB Mai Lĩnh, Sài Gòn.
- [15] Ngô Minh Oanh (2018). *Giáo dục phổ thông ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)*. NXB Tổng hợp TP HCM.
- [16] Nguyễn Anh (1967). Vài nét về giáo dục Việt Nam từ sau đại chiến thế giới lần thứ I đến trước Cách mạng tháng 8, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 98.
- [17] Nguyễn Đăng Thục (1975). Đại học tư lập. *Tạp chí Tư tưởng*, số 48.
- [18] Nguyễn Quỳnh Giao (1969). *Cải tổ giáo dục (phỏng vấn 11 giáo sư Đại học)*. NXB Thăng Tiên.
- [19] Nguyễn Tấn Phát (2014). *Giáo dục cách mạng ở miền Nam giai đoạn 1954 -1975 - những kinh nghiệm và bài học lịch sử*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [20] Nguyễn Thụy Phương (2020). *Giáo dục Việt Nam dưới thời thuộc địa – huyền thoại đỏ và huyền thoại đen*. NXB Hà Nội.
- [21] Nguyễn Văn Trung (1967). *Góp phần phê phán giáo dục và đại học*. NXB Trình bày.
- [22] Phong Hiền (1984). *Chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở miền Nam Việt Nam: khía cạnh tư tưởng và văn hóa (1954 - 1975)*. NXB Thông tin lý luận.
- [23] Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đặc Lộ (1974). *Chỉ nam giáo dục cao đẳng Việt Nam*, Sài Gòn.
- [24] Thống Đốc Nam Kỳ (1906). *Nghị định thành lập Viện Đại học Đông Dương*. Số 48.042-GGI/NĐ, ngày 16/5/1906.
- [25] Trần Văn Chánh (2014). Giáo dục miền Nam Việt Nam (1954-1975) trên con đường xây dựng và phát triển. *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 7-8.
- [26] USAID, Office of Education (1967). *Participant Training: Objectives and Returns Saigon*: October.
- [27] Viện Đại học Sài Gòn (1962). *Đầy Đại học – Tài liệu chỉ dẫn về tổ chức và hoạt động đại học để thân tặng các bạn sinh viên*. Nhà in Liên Việt, Sài Gòn.
- [28] Võ Văn Sen, Lưu Văn Quyết (2019). Dấu ấn giáo dục Đại học Pháp trong hệ thống giáo dục Đại học ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1964. In trong *Những vấn đề giảng dạy tiếng việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay*. NXB Đại học Quốc gia TP HCM.